

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
VIỆN CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT*

*ngày 30/01/2024)*

**HÀ NỘI - 2024**

## ĐỀ ÁN

### TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024

#### 1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

##### 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi.

- Địa chỉ: Số 9 Tân Phong – Phường Thụy Phương – Quận Bắc Từ Liêm – Hà Nội.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vcn.org.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)

##### 1.2.1. Các ngành đào tạo:

+ Chăn nuôi (Mã số 9 62 01 05);

+ Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi (Mã số 9 62 01 07);

+ Di truyền và Chọn giống vật nuôi (Mã số 9 62 01 08).

1.2.2. Thời gian đào tạo: Tốt nghiệp Đại học loại giỏi: 4-5 năm

Tốt nghiệp Thạc sĩ: 3-4 năm

### 1.2.3. Điều kiện dự tuyển:

#### 1.2.3. 1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành chăn nuôi, chăn nuôi thú y, thú y hoặc ngành phù hợp;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

1.2.3.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc thạc sĩ do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng sau:

**Danh mục một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

<b>STT</b>	<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận</b>	<b>Trình độ/Thang điểm</b>
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Các chứng chỉ ngoại ngữ tại bảng trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2.3.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2.3.4. Người dự tuyển là các ứng viên trong diện Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với ngành đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho cơ sở đào tạo.

#### 1.2.4. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển.
- Lý lịch khoa học.
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực công chứng.
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và thâm niên công tác (nếu có).
- Đề cương dự kiến nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).
- Bài luận tổng quan về dự định nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

## **2. Các nội dung cụ thể của đề án**

### ***2.1. Đối tượng tuyển sinh:***

Đối tượng tuyển sinh là những người có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp.

### ***2.2. Phương thức tuyển sinh:***

Xét tuyển trực tiếp hoặc xét tuyển trực tuyến online.

***2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành:*** 03 - 05 chỉ tiêu.

### ***2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Chăn nuôi:***

Viện Chăn nuôi có 20 đơn vị trực thuộc, gồm 01 Phân Viện, 3 phòng chức năng, 4 bộ môn nghiên cứu chuyên sâu, 2 phòng thí nghiệm và 10 trung tâm nghiên cứu chuyên con đóng trên địa bàn cả nước.

Viện Chăn nuôi có đội ngũ giáo viên gồm 46 giảng viên cơ hữu là các Phó giáo sư và Tiến sĩ, đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của Viện như sau:

a) Di truyền giống vật nuôi, nuôi giữ giống gốc; phát hiện, đánh giá, bảo tồn và phát triển nguồn gen vật nuôi và cây thức ăn chăn nuôi;

b) Công nghệ sinh học chăn nuôi, đa dạng sinh học và tin sinh học;

c) Sinh lý, sinh hóa, sinh sản, tập tính vật nuôi và bảo vệ sức khỏe động vật;

d) Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, đồng cỏ và cây thức ăn chăn nuôi;

đ) Kinh tế, hệ thống, môi trường chăn nuôi và ảnh hưởng của chăn nuôi tới biến đổi khí hậu;

e) Chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng; chế biến, bảo quản an toàn vệ sinh thực phẩm chăn nuôi;

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tham gia nghiên cứu, đề xuất chính sách, định hướng phát triển phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Tham gia kiểm định, kiểm nghiệm giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi.

### **Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:**

Năm 2023, Viện đã triển khai 166 nhiệm vụ các loại, trong đó: 11 nhiệm vụ cấp nhà nước (01 đề tài cấp nhà nước, 05 dự án SXTN, 05 nhiệm vụ phát triển nguồn gen) và 48 nhiệm vụ cấp Bộ (18 đề tài, 02 dự án SXTN, 04 nhiệm vụ quỹ gen, 01 nhiệm vụ môi trường, 01 đề án công nghệ sinh học, 05 nhiệm vụ phát triển

phòng Thí nghiệm trọng điểm, 3 dự án khuyến nông, 08 tiêu chuẩn quốc gia, 06 nhiệm vụ tiềm năng), 33 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2023 cho toàn khối Viện và 11 dự án hợp tác quốc tế. Ngoài ra Viện đã tham gia chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu thực hiện 63 nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc các chương trình khác của bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, địa phương, các Viện, Trường Đại học và các đề tài cơ sở.

Viện đã tổ chức tư vấn, thẩm định và được Bộ phê duyệt các nhiệm vụ KHCN bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2024, bao gồm: 03 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài cấp Bộ, 02 dự án sản xuất thử và 01 đề tài tiềm năng. Viện đang xúc tiến ký hợp đồng 03 nhiệm vụ thuộc chương trình xóa đói giảm nghèo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội triển khai trong năm 2024. Viện đã tổ chức nghiệm thu 15 đề tài dự án kết thúc năm 2023 theo đúng kế hoạch.

Phối hợp tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc về “Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y” ngày 23-24 tháng 8 năm 2023 với 367 đại biểu tham dự, 69 báo cáo có chất lượng về các lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và đã tổ chức 20 gian hàng giới thiệu sản phẩm của các trung tâm, tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

Tổ chức thành công Hội thảo giới thiệu tiên bộ kỹ thuật mới lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y tại Nha Trang (Phân Viện CN Nam Bộ) với 41 sản phẩm kỹ thuật, công nghệ mới trong chăn nuôi, thú y được giới thiệu; Hội thảo đã tạo điều kiện để các nhà khoa học, doanh nghiệp, cán bộ kỹ thuật, cộng tác viên khuyến nông, các chủ trang trại và người chăn nuôi có cơ hội tiếp cận và chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm về chuyển giao tiên bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.



Chủ trì xây dựng Đề án “*Đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030*”. Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023. Phối hợp xây dựng đề án “*Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030*” Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.

Phối hợp tổ chức chuyển giao TBKT thông qua hoạt động trao tặng con giống, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi (trao tặng hàng ngàn con giống vịt biển cho Đảo Đá Tây, đảo Sinh Tồn, đảo Song Tử tây thuộc quần đảo Trường Sa, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi huyện đảo Phú Quý, chuyển giao hàng trăm vịt giống các loại cho đồng bào khó khăn huyện K’Bang – tỉnh Gia Lai....

#### **Tổng hợp các nhiệm vụ Khoa học công nghệ năm 2023 và năm 2024**

TT	Tên nhiệm vụ	Nhiệm vụ KH&CN năm 2023	Nhiệm vụ KH&CN năm 2024		
			Tổng	Chuyển tiếp từ 2023	Bắt đầu thực hiện 2024
<b>A</b>	<b>Nhiệm vụ cấp Nhà nước</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>8</b>	<b>3</b>
1	Đề tài cấp nhà nước	1	4	1	3
2	Dự án sản xuất thử cấp Nhà nước	5	2	2	
3	Nhiệm vụ bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi	5	5	5	
<b>B</b>	<b>Nhiệm vụ cấp Bộ</b>	<b>48</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>
1	Nhiệm vụ lưu giữ, bảo tồn và phục tráng nguồn gen vật nuôi	4	4	2	2
2	Đề tài cấp Bộ	14	15	12	3
3	Chương trình trọng điểm cấp Bộ	4	4	4	

TT	Tên nhiệm vụ	Nhiệm	Nhiệm vụ KH&CN năm 2024		
4	Dự án SXTN cấp Bộ	2	4	2	2
5	Tăng cường năng lực cho PTN trọng điểm	5	5		5
6	Chương trình Môi trường	1			
7	Chương trình Khuyến nông	3	3	3	
8	Tiêu chuẩn quốc gia	8	5	3	2
9	Đề án công nghệ sinh học	1	1	1	
10	Nhiệm vụ tiềm năng	6	4	3	1
11	Nhiệm vụ khác của bộ				
<b>C</b>	<b>Nhiệm vụ Hợp tác với địa phương (hợp tác với địa phương, doanh nghiệp, CT nông thôn miền núi, xóa đói giảm nghèo...)</b>	<b>63</b>	<b>55</b>	<b>48</b>	<b>7</b>
<b>D</b>	<b>Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng</b>	<b>33</b>	<b>33</b>		<b>33</b>
<b>E</b>	<b>Nhiệm vụ hợp tác quốc tế</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	
<b>Tổng số</b>		<b>166</b>	<b>155</b>	<b>97</b>	<b>58</b>

Năm 2023, các nhà khoa học của Viện đã có 108 bài báo khoa học. Trong đó: 19 bài đăng trên tạp chí Quốc tế và 89 bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

### **Các dự án khuyến nông**

Viện đã triển khai và thực hiện 03 nhiệm vụ dự án khuyến nông. Nhìn chung, các dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ được phê duyệt.

- Nhiệm vụ khuyến nông “*Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sinh sản năng suất, chất lượng cao tăng cường các biện pháp an toàn sinh học tại các tỉnh Phía Nam*” thời gian thực hiện 2022-2023. Đã xây dựng thành công 2 mô hình chăn nuôi lợn nái sinh sản năng suất chất lượng cao tăng cường các biện pháp an toàn sinh học tại các tỉnh phía Nam với quy mô 120 nái sinh sản trong đó: 01 mô hình lợn nái sinh sản 60 con tại tỉnh Đồng Nai và 01 mô hình lợn nái sinh sản 60 con tại tỉnh Sóc Trăng. Lợn nái có khả năng thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên của hai tỉnh, thể hiện tỷ lệ nuôi sống 100% và đã phối giống được 100% tại hai mô hình Đồng Nai và Sóc Trăng. Tổ chức được 8 lớp tập huấn (trong mô hình 04 lớp, ngoài mô hình 04 lớp) cho 95 lượt người tham dự và 100 lượt nông dân được thăm quan học tập tại mô hình. Đã thiết kế và xây dựng 6 biển tên mô hình và đăng 6 tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng. Như vậy, dự án đã hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra về mô hình, quy mô giống, vật tư... chuyển giao đều đạt 100% kế hoạch. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt và vượt mục tiêu đặt ra.

- Dự án Khuyến nông *Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sữa tại Hà Nội và Bến Tre*, thời gian thực hiện 2021-2023. Xây dựng 01 mô hình chăn nuôi dê sữa tại xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre với quy mô 66 con dê Saanen và 06 hộ tham gia. Tổ chức 02 lớp tập huấn trong mô hình về kỹ thuật chăn nuôi dê sữa cho 20 lượt người tham dự là các hộ tham gia mô hình và cán bộ chỉ đạo mô hình; tổ chức 01 lớp tập huấn ngoài mô hình và 01 cuộc tham quan mô hình cho 60 lượt người tham dự. Cấp phát con giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình. Kết quả xây dựng mô hình cho thấy đàn dê sữa Saanen giống chuyển giao đã thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên, chăm sóc nuôi dưỡng tại tỉnh Bến Tre, tỷ lệ sống và tỷ lệ phối giống đạt 100%.

- Dự án Khuyến nông “*Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ tại các tỉnh miền núi phía Bắc và Miền Trung*”, thời

gian thực hiện 2021-2023. Năm 2023 dự án triển khai tại xã Châu Khê huyện Con Công tỉnh Nghệ An và xã Mỹ Hòa huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình. Kết quả thực hiện 18 ha trồng cỏ/40 hộ tham gia, trong đó: xã Châu Khê 9 ha/20 hộ và xã Mỹ Hòa 9 ha/20 hộ. Đã tập huấn cho 80 lượt người trong và ngoài mô hình (Nghệ An 40 lượt người, Hòa Bình 40 lượt người). Tổ chức 2 hội nghị sơ kết với 40 lượt người tham gia, 4 hội nghị tham quan, 2 hội nghị tổng kết. In phát tờ rơi, tuyên truyền dự án trên đài truyền thanh của xã, trên Webside của Trung tâm và Trung tâm khuyến nông Quốc gia. Thực hiện triển khai ủ chua được 86 tấn cỏ ủ chua với 40 hộ thực hiện, chất lượng cỏ đảm bảo theo yêu cầu (cỏ ủ chua thành phẩm có màu vàng, mùi chua dịu, không bị mốc, không thối nhũn).

Đối với các nhiệm vụ tiêu chuẩn, quy chuẩn: Viện đã triển khai 08 nhiệm vụ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Quốc Gia. Trong đó có 5 Quy chuẩn thuộc các lĩnh vực chăn nuôi đại gia súc như Trâu, Bò, Ngựa, Dê và 3 Tiêu chuẩn về thức ăn chăn nuôi. Hiện tại, các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn này đã nghiệm thu cơ sở và hồ sơ đã được gửi về Cục Chăn nuôi. Năm 2023, Viện bắt đầu triển khai 03 nhiệm vụ mới, trong đó có 1 Quy chuẩn về Gà Kiến và 02 Tiêu chuẩn thức ăn, các Tiêu chuẩn, quy chuẩn đang được triển khai theo đúng kế hoạch và sẽ nghiệm thu 2024.

### **2.5. Tổ chức tuyển sinh:**

Thời gian và số đợt tuyển sinh/năm: Một đến nhiều đợt.

### **2.6. Chính sách ưu tiên:**

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển thuộc một trong những đối tượng sau: Thương binh, con liệt sỹ, người có công với cách mạng, dân tộc ít người, người đang công tác tại miền núi, người nước ngoài. Người dự tuyển thuộc 1 trong các đối tượng ưu tiên trên được xét ưu tiên trong trường hợp các thí sinh bằng điểm nhau.

## **2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính:**

a) Phí tuyển sinh: 200.000 đồng /hồ sơ.

b) Học phí: 15.000.000 đồng/NCS/năm.

## **3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

#### **Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

<b>Hạng mục</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	23	1.060
Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	300
Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	150
Phòng học từ 50 - 100 chỗ	1	100
Số phòng học dưới 50 chỗ	1	50
Số phòng học đa phương tiện	1	100
Phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	18	360
Thư viện, trung tâm học liệu	1	100
Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	16	1.600

**3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành:**

**Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chuyên ngành</b>
1.	PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền	Chăn nuôi
2.	PGS.TS. Hồ Trung Thông	Chăn nuôi
3.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Mỹ	Chăn nuôi
4.	TS. Phạm Công Thiệu	Chăn nuôi
5.	TS. Nguyễn Công Định	Chăn nuôi
6.	TS. Phạm Văn Quyến	Chăn nuôi
7.	TS. Nguyễn Văn Phú	Chăn nuôi
8.	TS. Nguyễn Khánh Vân	Chăn nuôi
9.	TS. Nguyễn Văn Duy	Chăn nuôi
10.	TS. Trương Anh Tuấn	Chăn nuôi
11.	TS. Hoàng Tuấn Thành	Chăn nuôi
12.	TS. Đặng Vũ Hòa	Chăn nuôi
13.	TS. Nguyễn Thị Hương	Chăn nuôi
14.	TS. Vương Thị Lan Anh	Chăn nuôi
15.	TS. Phùng Thế Hải	Chăn nuôi
16.	TS. Lương Anh Dũng	Chăn nuôi
17.	TS. Lê Thúy Hằng	Chăn nuôi

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chuyên ngành</b>
18.	TS. Phạm Hải Ninh	Chăn nuôi
19.	TS. Vũ Văn Quang	Chăn nuôi
20.	TS. Đào Thị Bình An	Chăn nuôi
21.	TS. Nguyễn Thị Mười	Chăn nuôi
22.	TS. Phạm Văn Sơn	Chăn nuôi
23.	PGS.TS. Phạm Doãn Lân	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
24.	PGS.TS. Ngô Thị Kim Cúc	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
25.	TS. Nguyễn Hữu Tinh	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
26.	TS. Nguyễn Quý Khiêm	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
27.	TS. Phạm Văn Giới	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
28.	TS. Lê Bá Quế	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
29.	TS. Trịnh Hồng Sơn	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
30.	TS. Lê Thanh Hải	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
31.	TS. Trần Ngọc Tiến	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
32.	TS. Trần Thị Minh Hoàng	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
33.	TS. Nguyễn Văn Ba	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
34.	TS. Nguyễn Văn Trung	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
35.	PGS.TS. Chu Mạnh Thắng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
36.	PGS.TS. Trần Thị Bích Ngọc	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chuyên ngành</b>
37.	TS. Lê Văn Huyền	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
38.	TS. Nguyễn Văn Đại	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
39.	TS. Ngô Đình Tân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
40.	TS. Nguyễn Văn Quang	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
41.	TS. Đỗ Thị Thanh Vân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
42.	TS. Nguyễn Đức Chuyên	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
43.	TS. Nguyễn Thành Trung	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
44.	TS. Nguyễn Việt Đôn	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
45.	TS. Đoàn Đức Vũ	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
46.	TS. Lê Văn Hùng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi

### **3.3. Các dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế**

Trong năm 2023, Viện đã và đang triển khai đúng tiến độ và hiệu quả 11 dự án/nhánh dự án HTQT. Trong đó, Viện chủ trì 02 dự án Hợp tác quốc tế:

(1) Dự án “*Nâng cao năng lực kiểm kê đo lường báo cáo và thẩm định phát thải khí nhà kính lĩnh vực chăn nuôi ở Việt Nam*” (CP Newzealand tài trợ). Dự án được khởi động vào ngày 29/9/2023, đang triển khai các nội dung dự án theo đúng kế hoạch.

(2) Dự án “*Liên kết các hoạt động sản xuất của nông hộ vào chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam*” (do ACIAR tài trợ). Dự án được khởi động vào ngày 31/10/2023, đang triển khai các nội dung dự án theo đúng kế hoạch.



Ngoài ra, Viện đang tham gia phối hợp và thực hiện 9 dự án nhánh như:

(1) Dự án *“Can thiệp dựa vào chăn nuôi hướng tới sinh kế bình đẳng và cải thiện môi trường ở vùng cao Tây Bắc.*

(2) Dự án ACIAR *“Lợi ích nguồn gen Gà Châu Á (AsCGG): Nền tảng khảo sát, thử nghiệm và cung cấp những giống gà cải tiến nhằm cải thiện sinh kế ở Đông Nam Á”* giai đoạn 2021-2024 tại Việt Nam của ILRI.

(3) Dự án One Health Poultry Hub: *“Nghiên cứu chăn nuôi gia cầm bền vững theo cách tiếp cận một sức khỏe”.*

(4) Hợp tác với Đại học New England (Australia), Đại học Nông lâm Huế triển khai dự án *“Phát triển chăn nuôi và thị trường dê sữa, dê thịt ở Lào và Việt Nam”.*

(5) Dự án ASSET - *Thịt lợn an toàn DA SAFE PORK các phương pháp tiếp cận dựa vào thị trường nhằm cải thiện mức độ an toàn của thịt lợn Việt Nam,* thời gian thực hiện 2017-2023.

(6) Dự án *Nâng cao khả năng phục hồi, công bằng và lợi ích cho các nông hộ nhỏ trong chuỗi giá trị dê Việt Nam thông qua các nền tảng đổi mới cộng đồng,* thời gian thực hiện 2022-2023.

(7) Chương trình *“Liên minh đổi mới sáng tạo trong chăn nuôi lợn an toàn sinh học ở Việt Nam”* thời gian thực hiện 2022-2023; Đã tổ chức Hội thảo IP Quốc gia vào tháng 8 năm 2023. Đang hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán và xây dựng kế hoạch cho pha tiếp theo.

(8) Dự án *Năng suất Chăn nuôi Bền vững vì Sinh kế , Dinh dưỡng và Hòa nhập Giới (Sapling),* thời gian thực hiện 2023-2024.

(9) Dự án “Thành lập trang trại thông minh và nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng công nghiệp chăn nuôi lợn tại tỉnh Ninh Bình” (do chính phủ Hàn Quốc tài trợ) Dự án đang tiến hành xây dựng lắp đặt trang trại thông minh theo mô hình Hàn Quốc tại Tam Điệp; đã tổ chức thành công 02 khóa đào tạo ngắn hạn và 01 khóa đào tạo dài hạn được tổ chức tại Việt Nam và Hàn Quốc.

### **3.4. Kiểm định chất lượng:**

Định kỳ, Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

### **3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác:**

Viện Chăn nuôi có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có địa điểm làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

b) Có thư viện truyền thống với nguồn thông tin tư liệu đủ để nghiên cứu sinh tra cứu khi thực hiện đề tài luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước được cập nhật liên tục; có thư viện điện tử với bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đào tạo;

c) Có trang thông tin điện tử của Viện Chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến ngành đăng ký đào tạo; danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (nếu có, trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định

của pháp luật); công khai danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện (trong đó có thông tin về đào tạo nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài), những danh mục đề tài đề xuất tuyển nghiên cứu sinh; công khai mức thu học phí của Viện Chăn nuôi;

Các thông tin liên quan đến công tác đào tạo tiến sĩ của Viện được cập nhật thường xuyên trên website: <https://vcn.org.vn/dao-tao>.

d) Có tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi riêng của Viện Chăn nuôi. Viện Chăn nuôi được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản các kết quả khoa học trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802) theo giấy phép xuất bản số 471/GP-BTTTT ngày 22-7-2021. Tạp chí nằm trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính 0,75 điểm (Quyết định 18/QĐ-HDGSNN ngày 30/6/2020). Hiện nay, tạp chí xuất bản định kỳ 06 số/năm.

**VIỆN TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS. Phạm Công Thiệu**